xiào láo

效劳

verb · to serve; to work for

Example Sentences

Tā yuàn yì wèi gōng sī xiào láo
他 愿 意 为 公 司 效 劳。

He is willing to serve the company.

Wǒ hěn gāo xìng néng wèi nín xiào láo
我 很 高 兴 能 为 您 效 劳。

I am very happy to serve you.

Trace each character, then write the word on your own.

效 效 效 效 效 效 效 效 效 效 效

效 效

劳 劳 劳 劳 劳 劳 劳 劳 劳 劳